

DỰ TOÁN CHI TRẢ SÁCH ĐÁ PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN HÀ
(Kế toán, Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Phụ lục số 1
BVT: trực

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định						Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước sắp xếp						Dự toán năm 2025					
		Tổng công	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng công	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng công	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách xã	90.790	37.080	6.809	46.901	27.606	4.667	714	4.530	3.808	762	4.277	3.408	876	4.563	118.396	48.964	9.161	6
1	Chi đầu tư phát triển																		
2	Chi thường xuyên	90.790	37.080	6.809	46.901	27.084	4.667	714	4.343	3.808	762	4.108	3.408	876	4.397	117.874	48.964	9.161	6
a	Chi sự nghiệp giáo dục	81.966	32.808	6.809	42.349											81.966	32.808	6.809	6
b	Chi sự nghiệp đào tạo																		
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																		
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					451	35	11	144	24	9	97	40	33	57	451	99	53	
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin					109			48	3	3	26	15	2	13	109	17	5	
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					147	23	6	33	35	5	34	34	10	147	147	93	6	
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	8.823	4.272		4.552	345	147		11	114	7	3	49		13	9.168	4.582	7	
h	Chi sự nghiệp kinh tế					1.881	385	90	375	12	171	214	101	150	383	1.881	499	411	
i	Chi sự nghiệp môi trường					131	1		47	1		47	10	1	25	131	12	1	
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể					22.151	3.795	573	3.397	3.348	493	3.434	2.951	579	3.582	22.151	10.094	1.645	1
l	Chi An ninh					1.327	223	34	251	202	34	179	169	28	207	1.327	595	95	
m	Chi Quốc phòng					413	48			59	46	72	34	83	71	413	141	129	
n	Chi thường xuyên khác					130	9		37	9		33	4		37	130	23		
3	Dự phòng ngân sách					522			187			169			166	522			
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác																		

Ghi chú: (*) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện



ĐIỀU CHỈNH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN XẾP CỦA XÃ SƠN LINH
Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

EVT: triệu đồng

TT		Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chi năm 2025 để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định												Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp												Dự toán năm 2025																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
			Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															

Ghi chú: K

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện



Handwritten text, possibly a signature or date, located in the upper left quadrant.

Small handwritten notes or markings, possibly initials, located below the first block of text.

Small handwritten notes or markings, possibly initials, located below the second block of text.

ĐƠN TÍNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN HÀ
(Kính theo Quyết định số 08/ĐP-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Phụ lục 8
ĐVT: triệu

TT		Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định												Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp												Dự toán năm 2025			
			Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025				Dự toán năm 2025															
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện											
		106.860	42.063	8.042	56.755	28.951	3.739	2.496	5.377	3.107	814	4.649	4.504	619	3.645	135.811	53.414	11.972												
1		Chi đầu tư phát triển	106.860	42.063	8.042	56.755	28.430	3.739	2.496	5.184	3.107	814	4.486	4.504	619	3.480	135.290	53.414	11.972											
2		Chi thường xuyên	100.591	39.005	8.042	53.544										100.591	39.005	8.042												
a		Chi sự nghiệp giáo dục																												
b		Chi sự nghiệp đào tạo																												
c		Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																												
d		Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				401	7	10	128	23		109	31	10	84	401	60	20												
e		Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				97	16	2	21	2		27		10	18	97	18	12												
f		Chi sự nghiệp thể dục thể thao				154	10		56	12		33	29		14	154	51													
g		Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.269	3.058		3.211	395	128	5	80	47	33	94		7	6.664	3.327	5												
h		Chi sự nghiệp kinh tế					3.257	238	1.637	252	6	361	474	6	83	3.257	718	1.843												
i		Chi sự nghiệp môi trường					161	48	43	1		36	22	5	8	161	71	5												
k		Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể				21.972	3.000	745	4.206	2.788	576	3.578	3.576	539	2.965	21.972	9.363	1.859												
l		Chi An ninh				1.461	264	97	351	130	26	190	175	38	188	1.461	569	161												
m		Chi Quốc phòng				405	28			94	12	83	104	12	72	405	226	24												
n		Chi thường xuyên khác				130			48	5		36			41	130	5													
3		Dự phòng ngân sách				521			193			162			165	521														
4		Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cần đổi, nhiệm vụ khác																												

Ghi chú: (**): Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

10D-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Dự toán UBND huyện Sơn Hà trước khi sắp xếp

Ghi chú:

(**) Số thực là chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SƠN KỲ
(Kèm theo Quyết định số **02** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định						Dự toán UBND huyện Sơn Hà giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp						Dự toán năm 2025			
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Sơn Kỳ		Sơn Ba		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
								Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện						
	Tổng chi ngân sách xã	42.259	13.121	5.250	23.888	19.658	4.620	743	5.055	4.247	687	61.917	21.988	6.680	33.249		
1	Chi đầu tư phát triển																
2	Chi thường xuyên	42.259	13.121	5.250	23.888	19.283	4.620	743	4.855	4.247	687	61.543	21.988	6.680	32.874		
a	Chi sự nghiệp giáo dục	38.965	11.537	5.250	22.178							38.965	11.537	5.250	22.178		
b	Chi sự nghiệp đào tạo																
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					323	48	10	144	12	7	102	59	17	246		
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin					72	8	2	35	12	1	14	21	3	48		
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					106	34		29	10		32	44		62		
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	3.294	1.584		1.710	241	105		26	102		8	3.535	1.790	1.745		
h	Chi sự nghiệp kinh tế					1.424	448	1	443	236	15	1.424	684	16	724		
i	Chi sự nghiệp môi trường					89	36		20	19		14	55		34		
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể					15.631	3.663	673	3.784	3.606	622	3.283	7.269	1.296	7.066		
l	Chi An ninh					1.064	236	52	318	160	29	269	396	82	587		
m	Chi Quốc phòng					240	42		7	90	12	84	132	17	90		
n	Chi thường xuyên khác					93		5	50			43			93		
3	Dự phòng ngân sách					374			200			175			374		
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác																

Chi chú:

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN SẴP XẾP CỦA XÃ SƠN TÂY

(Ký và ghi rõ họ, tên, chức, danh số)

UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định										Dự toán UBND huyện Sơn Tây giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp										Dự toán năm 2025			
T	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Xã Sơn Dung			Xã Sơn Tân			Xã Sơn Long			Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện				
							Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện									
	Tổng chi ngân sách xã	89.927	38.225	8.041	43.661	24.488	3.897	567	4.012	3.362	1.280	3.653	3.449	950	3.319	114.416	48.933	10.837	54.645				
1	Chi đầu tư phát triển																						
2	Chi thường xuyên	88.127	38.225	8.041	41.861	24.011	3.897	567	3.847	3.362	1.280	3.491	3.449	799	3.319	112.138	48.933	10.686	52.518				
a	Chi sự nghiệp giáo dục	76.336	36.782	7.356	32.198	15						15				76.351	36.782	7.356	32.213				
b	Chi sự nghiệp đào tạo																						
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					10				4		6				10		4	6				
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	30			30	239	34		56	80	12		35	5	17	269	149	17	103				
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	150			150	48			15	9	12			13	0	198	9	24	165				
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	150			150	92	44		9	21	4		15		0	242	79	4	159				
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	4.111	1.444	684	1.983	130	30		20	16		48	16	0	0	4.241	1.505	684	2.051				
h	Chi sự nghiệp kinh tế	1.300			1.300	826	298	77			217	62	169	4	0	2.126	466	298	1.362				
i	Chi sự nghiệp môi trường	220			220	75	29		5		25		14		2	295	43	25	226				
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	5.240			5.240	20.398	3.131	400	3.397	2.891	900	3.123	2.909	650	2.996	25.638	8.932	1.950	14.756				
l	Chi An ninh	140			140	861	122	50	172	132	45	83	93	30	134	1.001	347	125	529				
m	Chi Quốc phòng					1.278	209	40	173	210	65	154	198	60	170	1.278	616	165	497				
n	Chi thường xuyên khác	450			450	38								38		488		38	450				
3	Dự phòng ngân sách	1.800			1.800	478			165			162		151		2.278		151	2.127				
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác																						

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[illegible]

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴU SÁP XẾP CỦA XÃ SƠN TÂY HẠ
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng

Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định		Dự toán UBND huyện Sơn Tây giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp										Dự toán năm 2025							
		Xã Sơn Mẫu			Xã Sơn Tinh			Xã Sơn Lập											
TT	Nội dung chi	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí thực hiện (từ ngày 26/5/2025)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí thực hiện (từ ngày 26/5/2025)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí thực hiện (từ ngày 26/5/2025)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí thực hiện (từ ngày 26/5/2025)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí thực hiện (từ ngày 26/5/2025)	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
		30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	30/6/2025 (***)	
	Tổng chi ngân sách xã	64.281	20.816	4.358	39.107	22.674	3.057	913	3.489	3.231	886	3.883	2.582	1.610	3.023	86.955	29.686	7.767	49.502
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	913	3.344	3.203	866	3.775	2.582	1.610	2.882	84.712	29.658	7.747	47.307
2	Chi thường xuyên	62.481	20.816	4.358	37.307	22.232	3.057	913	3.344	3.203	866	3.775	2.582	1.610	2.882	84.712	29.658	7.747	47.307
a	Chi sự nghiệp giáo dục	50.343	20.121	4.024	26.198	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50.343	20.121	4.024	26.198
b	Chi sự nghiệp đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	2	2	4	-	2	2
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	30	-	-	30	125	22	-	-	37	18	10	24	7	7	155	83	25	48
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	150	-	-	150	34	-	-	11	-	-	15	0	8	0	184	0	8	175
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	150	-	-	150	105	38	-	-	10	-	7	32	-	18	255	79	-	176
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.964	696	334	1.935	106	22	20	37	5	14	1	-	8	0	3.070	723	375	1.973
h	Chi sự nghiệp kinh tế	2.794	-	-	2.794	455	-	-	144	197	-	0	95	20	-	3.249	291	20	2.938
i	Chi sự nghiệp môi trường	220	-	-	220	143	-	13	-	11	-	79	9	31	-	363	20	44	299
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	5.240	-	-	5.240	19.606	2.728	800	2.992	2.722	807	3.404	2.097	1.473	2.582	24.846	7.548	3.081	14.218
l	Chi An ninh	140	-	-	140	758	102	40	101	126	10	175	90	12	102	898	318	62	518
m	Chi Quốc phòng	-	-	-	-	822	145	40	59	95	17	46	202	49	171	822	441	106	275
n	Chi thường xuyên khác	450	-	-	450	74	-	-	-	-	-	39	35	-	0	524	35	-	489
3	Dự phòng ngân sách	1.800	-	-	1.800	442	-	-	146	28	20	108	-	-	141	2.242	28	20	2.195
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN SẴP XẾP CỦA XÃ MINH LONG
Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục số 02.

DVT: triệu đồng



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định															Dự toán UBND huyện Minh Long giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp															Dự toán năm 2025			
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Xã Long Hiệp				Xã Thanh An				Xã Long Môn				Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện											
							Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện																		
	Tổng chi ngân sách xã	109.305	39.785	15.043	54.477	24.193	3.615	821	3.805	3.763	676	3.710	3.415	963	3.424	133.498	50.579	17.503	65.4														
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
2	Chi thường xuyên	105.213	39.734	14.040	51.439	23.833	3.615	821	3.685	3.763	676	3.590	3.415	963	3.304	129.046	50.527	16.500	62.01														
a	Chi sự nghiệp giáo dục	70.541	27.215	8.438	34.888	60	-	12	8	16	0	3	9	12	-	70.601	27.240	8.462	34.85														
b	Chi sự nghiệp đào tạo	504	-	-	504	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	504	-	-	50														
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	459	252	19	188	296	3	50	57	16	-	83	14	16	57	755	286	85	38														
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	956	437	77	443	66	-	10	12	-	-	22	12	-	10	1.022	449	87	48														
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	246	103	-	143	78	17	5	4	21	-	5	26	-	0	324	167	5	15														
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	3.119	1.783	261	1.075	193	8	45	22	48	1	15	30	2	21	3.311	1.869	309	1.13														
h	Chi sự nghiệp kinh tế	6.552	1.971	776	3.805	894	240	50	8	137	118	43	171	120	7	7.446	2.519	1.064	3.86														
i	Chi sự nghiệp môi trường	1.018	548	170	300	90	5	12	13	13	-	17	-	20	10	1.108	566	202	34														
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	20.526	6.952	4.150	9.424	20.786	3.140	589	3.364	3.245	519	3.116	3.004	739	3.070	41.312	16.341	5.997	18.97														
l	Chi An ninh	388	110	278	1.060	160	38	193	167	26	199	117	36	124	1.448	554	100	79															
m	Chi Quốc phòng	419	194	26	200	221	26	-	-	85	12	72	18	8	-	640	323	45	27														
n	Chi thường xuyên khác	486	170	124	192	90	15	10	5	15	-	15	15	10	5	576	215	144	21														
3	Dự phòng ngân sách	2.260	-	-	2.260	360	-	-	120	-	-	120	-	-	120	2.620	-	-	2.62														
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác	1.833	52	1.003	779	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.833	52	1.003	77														

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm báo giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐÁP HƯỞNG NĂM 2025 SẴN SẴP XẾP CỦA XÃ SƠN MAI

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: triệu đồng

Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định														Dự toán UBND huyện Minh Long giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp														Dự toán năm 2025			
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Xã Long Sơn				Xã Long Mai				Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện									
							Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện																			
	Tổng chi cần đối ngân sách xã	84.429	32.808	9.789	41.832	17.703	3.859	667	4.262	4.147	688	4.080	102.132	40.814	11.145	50.1															
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-															
2	Chi thường xuyên	79.842	32.756	8.786	38.300	17.463	3.859	667	4.142	4.147	688	3.960	97.305	40.762	10.142	46.40															
a	Chi sự nghiệp giáo dục	47.014	20.237	3.183	23.594	40	16	-	4	7	3	11	47.054	20.260	3.186	23.60															
b	Chi sự nghiệp đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-															
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-															
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	459	252	19	188	240	19	-	100	70	10	41	699	341	29	32															
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	956	437	77	443	44	-	-	22	7	5	10	1.000	444	81	47															
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	246	103	-	143	52	26	-	-	13	3	10	298	142	3	15															
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	3.119	1.783	261	1.075	159	54	-	27	54	8	16	3.278	1.891	269	1.11															
h	Chi sự nghiệp kinh tế	4.773	1.971	776	2.025	596	204	10	84	298	-	0	5.369	2.472	786	2.11															
i	Chi sự nghiệp môi trường	948	548	170	231	60	15	5	10	14	4	13	1.008	577	179	25															
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	21.035	6.952	4.150	9.932	14.912	3.224	595	3.540	3.400	589	3.564	35.946	13.576	5.334	17.03															
l	Chi An ninh	388	110	-	278	963	206	41	268	198	39	212	1.351	513	79	75															
m	Chi Quốc phòng	419	194	26	200	337	85	12	72	87	17	65	756	365	55	33															
n	Chi thường xuyên khác	486	170	124	192	60	10	5	15	-	13	18	546	180	141	22															
3	Dự phòng ngân sách	2.260			2.260	240			120	-	-	120	2.500	-	-	2.50															
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác	2.328	52	1.003	1.273	-			-	-	-	-	2.328	52	1.003	1.27															

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÁP XẾP CỦA XÃ BA VỊ
(Kê khai theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu.

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Đã phân bổ/IBNID huyện Ba Tư gần năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025									
						Ba Ngọc	Ba Tiêu	Ba Vị											
	Tổng chi ngân sách xã	47.458	17.094	4.243	26.121	21.744	3.225	832	3.496	3.171	799	3.487	2.879	875	2.980	69.202	26.369	6.750	3
1	Chi đầu tư phát triển																		
2	Chi thường xuyên	46.687	17.094	4.243	25.350	21.307	3.225	832	3.344	3.171	799	3.337	2.879	740	2.980	67.994	26.369	6.615	3
a	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	34.763	13.667	3.221	17.875	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	34.763	13.667	3.221	1
b	Chi sự nghiệp đào tạo				-														
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				-														
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	354	130	86	138	264	33	28	33	26	22	26	34	29	34	618	222	165	
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	331	130	58	143	62	7	6	7	6	5	6	8	7	9	393	152	77	
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				-	72	10	7	8	8	6	7	10	8	9	72	28	20	
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.233	1.191	333	709	264	71	34	31	36	17	16	31	15	14	2.497	1.328	399	
h	Chi sự nghiệp kinh tế	3.650	250	62	3.338	888	118	71	93	95	57	75	160	95	125	4.538	623	284	
i	Chi sự nghiệp môi trường				-	72	11	2	13	9	2	11	10	2	13	72	30	6	
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đoàn thể	5.081	1.726	483	2.872	18.289	2.713	634	2.978	2.739	643	3.019	2.397	543	2.623	23.370	9.574	2.303	1
l	Chi An ninh	185			185	859	131	19	100	124	19	100	190	29	147	1.044	445	67	
m	Chi Quốc phòng	90			90	431	95	31	79	94	28	78	5	13	7	521	194	73	
n	Chi thường xuyên khác				-	106	37	-	-	36	-	-	33	-	-	106	106		
3	Dự phòng ngân sách	771			771	437	-	-	152	-	-	150	-	135	-	1.208		135	
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				

Ghi chú:

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm báo giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện



ĐỀ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN XẾP CỦA XÃ BA TÔ
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Phụ lục số 02.49

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện Ba To giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp										Dự toán năm 2025			
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách xã	57.672	21.051	5.219	31.402	22.802	3.847	1.043	4.096	2.857	690	3.225	2.981	735	3.327	80.474	30.736	7.688	42.050
1	Chi đầu tư phát triển																		
2	Chi thường xuyên	56.747	21.051	5.219	30.477	22.343	3.847	1.043	3.915	2.857	690	3.089	2.981	735	3.185	79.090	30.736	7.688	40.666
a	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	43.430	17.067	4.025	22.338		-	-	-	-	-	-	-	-	-	43.430	17.067	4.025	22.338
b	Chi sự nghiệp đào tạo				-		-	-	-	-	-	-	-	-	-				
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				-		-	-	-	-	-	-	-	-	-				
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	440	162	106	172	267	63	54	63	11	10	11	19	16	19	707	255	187	265
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	413	162	72	179	60	14	12	15	2	2	2	4	4	4	473	183	90	200
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				-	70	18	13	16	3	2	3	5	4	5	70	27	20	24
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.786	1.486	415	885	150	55	26	24	8	4	4	15	7	7	2.936	1.564	452	919
h	Chi sự nghiệp kinh tế	3.872	276	69	3.527	810	231	138	182	40	24	32	68	41	54	4.682	616	271	3.794
i	Chi sự nghiệp môi trường				-	74	21	4	25	4	1	5	6	1	8	74	31	6	37
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	5.531	1.898	531	3.102	19.322	3.063	718	3.334	2.572	610	2.875	2.620	618	2.913	24.853	10.154	2.477	12.223
l	Chi An ninh	185			185	868	237	33	171	92	16	84	116	19	100	1.053	444	69	540
m	Chi Quốc phòng	89			89	611	100	43	86	91	22	74	93	25	76	700	284	91	325
n	Chi thường xuyên khác				-	111	44	-	-	33	-	-	34	-	-	111	111		
3	Dự phòng ngân sách	925			925	459	-	-	181	-	-	136	-	-	142	1.384			1.384
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cần đối, nhiệm vụ khác				-		-	-	-	-	-	-	-	-	-				

Ghi chú:

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA DINH
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng

TT		Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định										Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp										Dự toán năm 2025																																																																																																																																																																																																																																																																																							
			Ba Đình										Ba Giang				Tông cộng				Kinh phí đã thực hiện				Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(*)																																																																																																																																																																																																																																																																																					
Tông cộng		Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tông cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN NGHỊ NGÂN SÁCH BỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴU SẮP XẾP CỦA XÃ BA TƠ
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/7/2025** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng

Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định										Dự toán UBND huyện Ba Tơ giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp										Dự toán năm 2025			
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện				
	Tổng chi ngân sách xã	67.119	25.748	6.673	34.698	21.708	3.036	760	3.326	3.407	842	3.504	2.895	703	3.236	88.827	35.086	8.978	44.771				
1	Chi đầu tư phát triển																						
2	Chi thường xuyên	66.099	25.748	6.673	33.678	21.272	3.036	760	3.183	3.407	842	3.348	2.895	703	3.099	87.371	35.086	8.978	43.315				
a	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	53.793	21.897	5.497	26.399		-	-	-	-	-	-	-	-	-	53.793	21.897	5.497	26.397				
b	Chi sự nghiệp đào tạo				-		-	-	-	-	-	-	-	-	-								
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				-		-	-	-	-	-	-	-	-	-								
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	521	192	126	203	237	23	20	23	47	40	47	13	11	13	758	275	197					
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	493	193	87	213	56	5	4	5	11	10	11	3	3	3	549	212	104					
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				-	59	7	5	6	13	9	11	3	3	3	59	23	17					
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	3.295	1.757	491	1.047	278	60	29	27	47	23	21	37	18	16	3.573	1.902	560	1				
h	Chi sự nghiệp kinh tế	3.325	213	53	3.059	675	83	50	65	157	94	124	43	26	34	4.000	496	222	3				
i	Chi sự nghiệp môi trường				-	76	7	1	9	18	4	22	6	1	7	76	32	6					
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	4.395	1.496	419	2.480	18.351	2.577	600	2.848	2.813	609	2.902	2.552	602	2.848	22.746	9.438	2.229	11				
l	Chi An ninh	187			187	1.024	145	24	123	257	40	202	114	19	100	1.211	516	83					
m	Chi Quốc phòng	90			90	410	93	27	77	5	14	7	91	21	74	500	190	62					
n	Chi thường xuyên khác				-	106	35	-	-	38	-	-	33	-	-	106	106						
3	Dự phòng ngân sách	1.020			1.020	436	-	-	143	-	-	156	-	-	137	1.456			1				
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác				-		-	-	-	-	-	-	-	-	-								

Ghi chú:
(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH DỰ PHỤ ĐỒNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA VINH
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định										Dự toán năm 2025					
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) (**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) (**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) (**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) (**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
	Tổng chi ngân sách xã	43.573	15.752	3.898	23.923	15.636	3.651	943	3.895	3.039	751	3.357	59.209	22.442	5.593	31.174	
1	Chi đầu tư phát triển																
2	Chi thường xuyên	42.868	15.752	3.898	23.218	15.321	3.651	943	3.724	3.039	751	3.213	58.189	22.442	5.593	30.154	
a	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	33.071	12.996	3.065	17.010	-	-	-	-	-	-	-	33.071	12.996	3.065	17.010	
b	Chi sự nghiệp đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	334	123	81	130	179	45	39	45	17	15	17	513	186	135	193	
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	316	124	56	136	40	10	9	10	4	3	4	356	138	68	150	
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	-	48	13	10	12	5	4	4	48	18	13	16	
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.126	1.134	317	675	217	59	28	26	54	26	24	2.343	1.247	371	725	
h	Chi sự nghiệp kinh tế	3.297	167	42	3.088	544	166	99	130	63	37	49	3.841	395	178	3.268	
i	Chi sự nghiệp môi trường	-	-	-	-	50	15	3	18	6	1	7	50	21	4	25	
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	3.542	1.208	338	1.996	13.178	3.030	694	3.254	2.648	621	2.931	16.720	6.886	1.654	8.181	
l	Chi An ninh	124	-	-	124	760	265	43	218	115	19	100	884	379	62	442	
m	Chi Quốc phòng	59	-	-	59	229	7	18	9	93	25	76	288	100	43	145	
n	Chi thường xuyên khác	-	-	-	-	76	41	-	-	35	-	-	76	76	-	-	
3	Dự phòng ngân sách	705	-	-	705	315	-	-	171	-	-	144	1.020	-	-	1.020	
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cần đối, nhiệm vụ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

DỰ T toán HUYỆN CẦN SÁCH BÀ PHƯƠNG NĂM 2025 SÁP XẾP CỬA XÃ BÀ ĐÔNG
(Kính thưa: Quý vị đại diện xã 08 UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định										Dự toán UBND huyện Bà Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sáp xếp				Dự toán năm 2025			
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) ^(**)
	Tổng chi ngân sách xã	44.291	16.431	4.083	23.777	19.022	3.113	809	3.451	2.096	522	2.278	2.841	699	3.213	63.313	24.481	6.113	32.718
1	Chi đầu tư phát triển																		
2	Chi thường xuyên	43.591	16.431	4.083	23.077	18.640	3.113	809	3.303	2.096	522	2.180	2.841	699	3.077	62.231	24.481	6.113	31.636
a	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	33.251	13.066	3.081	17.104	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	33.251	13.066	3.081	17.104
b	Chi sự nghiệp đào tạo																		
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																		
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	339	125	82	132	180	32	28	32	16	14	16	15	13	15	519	188	136	195
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	318	125	56	137	42	7	6	7	4	3	4	3	3	4	360	140	69	152
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao																		
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.135	1.139	318	678	182	43	21	19	44	21	19	8	4	4	2.317	1.234	363	720
h	Chi sự nghiệp kinh tế	2.206	250	62	1.894	528	117	70	92	50	30	40	54	32	43	2.734	472	194	2.068
i	Chi sự nghiệp môi trường					53	10	2	13	7	1	8	5	1	6	53	22	4	27
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	5.067	1.726	483	2.858	16.670	2.723	644	3.025	1.829	427	1.988	2.557	609	2.869	21.737	8.834	2.163	10.740
l	Chi An ninh	185			185	623	131	19	100	117	19	100	69	11	57	808	317	49	442
m	Chi Quốc phòng	89			89	224	5	13	6	2	4	2	92	24	76	313	99	41	173
n	Chi thường xuyên khác				-	93	36	-	-	24	-	-	33	-	-	93	93		
3	Dự phòng ngân sách	700			700	382	-	-	148	-	-	98	-	-	136	1.082			1.082
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

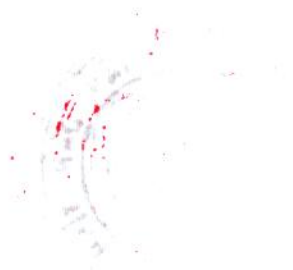
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH DỰ PHÒNG NĂM 2025 SẴI SẮP XẾP CỦA XÃ DÀNG THUY TRÂM

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định																	Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp																	Dự toán năm 2025																
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Ba Trang			Ba Khâm			Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện																															
								Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025)(**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí đã thực hiện																																					
	Tổng chi ngân sách xã	37.354	13.884	3.439	20.031	14.226	3.199	800	3.542	2.822	699	3.164	51.580	19.905	4.939	26.737																																		
1	Chi đầu tư phát triển																																																	
2	Chi thường xuyên	36.764	13.884	3.439	19.441	13.940	3.199	800	3.390	2.822	699	3.030	50.704	19.905	4.939	25.861																																		
a	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	28.906	11.359	2.679	14.868	-	-	-	-	-	-	-	28.906	11.359	2.679	14.868																																		
b	Chi sự nghiệp đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-																																		
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-																																		
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	295	109	71	115	123	24	21	24	19	16	19	418	152	108	158																																		
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	276	108	49	119	27	5	4	5	4	4	4	303	117	57	129																																		
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	-	32	7	5	6	5	4	5	32	12	9	11																																		
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.855	990	276	589	70	22	11	10	15	7	6	1.925	1.026	294	605																																		
h	Chi sự nghiệp kinh tế	1.873	167	42	1.664	374	88	53	69	69	41	54	2.247	324	135	1.787																																		
i	Chi sự nghiệp môi trường	-	-	-	-	34	8	2	10	6	1	8	34	14	3	17																																		
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	3.375	1.151	322	1.902	12.323	2.769	654	3.065	2.477	584	2.773	15.698	6.397	1.561	7.740																																		
l	Chi An ninh	124			124	493	146	24	123	100	16	84	617	246	40	332																																		
m	Chi Quốc phòng	60			60	394	94	28	78	93	25	76	454	187	53	214																																		
n	Chi thường xuyên khác	-	-	-	-	70	37	-	-	33	-	-	70	70																																				
3	Dự phòng ngân sách	590			590	286	-	-	152	-	-	134	876			876																																		
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-																																						

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BA XA
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT		Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện Ba Tư giao năm 2025 cho các xã trước sắp xếp				Dự toán năm 2025					
			Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) (**)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Ba Xa			Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện			
							Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí dự kiến thực hiện (từ ngày 26/5/2025 - 30/6/2025) (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện							
		Tổng chi ngân sách xã	32.940	12.145	2.994	17.801	7.970	3.405	897	3.668	40.910	15.550	3.891	21.469		
1		Chi đầu tư phát triển														
2		Chi thường xuyên	32.416	12.145	2.994	17.277	7.810	3.405	897	3.508	40.226	15.550	3.891	20.785		
a		Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	26.419	10.382	2.448	13.589		-	-	-	26.419	10.382	2.448	13.589		
b		Chi sự nghiệp đào tạo				-		-	-	-						
c		Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				-		-	-	-						
d		Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	267	98	65	104	142	50	43	50	409	148	107	154		
e		Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	253	99	45	109	32	11	10	11	285	110	54	120		
f		Chi sự nghiệp thể dục thể thao				-	38	15	11	13	38	15	11	13		
g		Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.702	908	254	540	71	37	18	16	1.773	945	272	556		
h		Chi sự nghiệp kinh tế	1.997	83	21	1.893	431	181	108	142	2.428	264	128	2.035		
i		Chi sự nghiệp môi trường				-	39	16	3	20	39	16	3	20		
k		Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	1.686	575	161	950	6.374	2.737	634	3.002	8.060	3.312	795	3.952		
l		Chi An ninh	62			62	426	222	33	171	488	222	33	233		
m		Chi Quốc phòng	30			30	218	97	38	83	248	97	38	113		
n		Chi thường xuyên khác				-	39	39	-	-	39	39				
3		Dự phòng ngân sách	524			524	160	-	-	160	684			684		
4		Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác				-		-	-	-						

(**) Số thực tế chi xác định tại thời điểm bàn giao, trường hợp không chi hết chuyển sang kinh phí tiếp tục thực hiện

NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đặc khu Lý Sơn

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
(1)	(2)	(3)
I	Tổng chi cân đối ngân sách	250.110
1	Chi đầu tư phát triển	17.004
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	12.004
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.000
2	Chi thường xuyên (*)	217.741
a	Chi sự nghiệp giáo dục	113.434
b	Chi sự nghiệp đào tạo	900
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.695
e	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	900
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	900
g	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	9.670
h	Chi sự nghiệp kinh tế	34.826
i	Chi sự nghiệp môi trường	4.700
k	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	37.093
l	Chi An ninh	5.949
m	Chi Quốc phòng	5.600
n	Chi thường xuyên khác	1.074
3	Dự phòng ngân sách	5.002
4	Chi bổ sung theo định mức, bổ sung cân đối, nhiệm vụ khác	10.363
II	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú:

- (*) - Lĩnh vực giáo dục đào tạo là chỉ tiêu dự toán chi ngân sách tối thiểu theo Quyết định của UBND tỉnh; các lĩnh vực chi còn lại UBND đặc khu căn cứ chỉ tiêu hướng dẫn và tình hình thực tế của địa phương, trình HĐND cùng cấp quyết định cho phù hợp.
- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 để thực hiện cải cách tiền lương là 3.070 triệu đồng
 - Bao gồm bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh là 26.054 triệu đồng.

Phụ lục số 02.56.1

BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2025
Đặc khu Lý Sơn

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18**/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
(1)	(2)	(3)
	Tổng số	26.054
1	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ	3.016
2	Chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 và 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	1.217
3	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ	84
4	Kinh phí chúc thọ theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định về mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (bao gồm kinh phí còn thiếu năm 2024 là 28 triệu đồng)	56
5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định về chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	206
6	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đối với chi bộ, đảng bộ cơ sở theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012	500
7	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	349
8	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ , công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	101

9	Kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 29/2024/NĐ-HĐND của HĐND tỉnh	1.125
10	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng huyện Lý Sơn	200
11	Hỗ trợ kinh phí để thực hiện sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước, hạ tầng giao thông; duy trì, trồng và chăm sóc cây xanh	18.000
12	Hỗ trợ kinh phí Đại hội Đảng bộ các cấp	800
13	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Thể dục thể thao	400

Ghi chú: KP bổ sung có mục tiêu, khi phân bổ phải theo từng lĩnh vực chi tương ứng của mục tiêu đó.

DỰ TOÁN CHIA XẺ SÁCH DẠ PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA PHƯỜNG KON TUM
(Kèm theo Phụ biểu số 06/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



Nội dung chi		Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định		Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)			
TT		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
Tổng chi ngân sách cấp xã		147.665	-	147.665	41.186	17.017	24.170	189.694	17.017	172.678	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	143.658	-	143.658	38.281	15.835	22.447	182.782	15.835	166.947	
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	3.950	1.268	2.682	3.950	1.268	2.682	
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	3.950	1.268	2.682	3.950	1.268	2.682	
2	Chi thường xuyên	141.594	-	141.594	33.582	14.567	19.015	175.176	14.567	160.609	
Trong đó:		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	85.074	-	85.074	-	-	-	85.074	-	85.074	
b	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Dự phòng ngân sách	2.064	-	2.064	749	-	749	3.656	-	3.656	
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.008	-	4.008	2.905	1.182	1.723	6.913	1.182	5.731	
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	3.812	-	3.812	2.905	1.182	1.723	6.717	1.182	5.535	
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.000	-	3.000	-	-	-	3.000	-	3.000	
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	812	-	812	2.905	1.182	1.723	3.717	1.182	2.535	
Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ		-	-	-	586	208	378	586	208	378	
Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh		-	-	-	10	3	7	10	3	7	
Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030		225	-	225	2.309	971	1.338	225	-	225	

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	586		586	-			2.895	971	1.924		
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	196	-	196	-	-	-	196	-	196		
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	12		12	-			12		12		
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	184		184	-			184		184		

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CỤNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴU SẮP XẾP CỦA PHƯỜNG ĐẮC CẨM
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	54.971	-	54.971	28.595	10.458	18.137	83.566	10.458	73.108
I	Tổng chi cần đối ngân sách xã	52.700	-	52.700	27.211	9.787	17.424	79.911	9.787	70.124
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	3.175	-	3.175	3.175	-	3.175
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	3.175	-	3.175	3.175	-	3.175
2	Chi thường xuyên	51.654	-	51.654	19.384	9.787	9.597	71.038	9.787	61.251
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	41.785	-	41.785	-	-	-	41.785	-	41.785
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.046	-	1.046	552	-	552	1.598	-	1.598
4	Chi từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất so với dự toán cấp trên giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà nước	-	-	-	4.100	-	4.100	4.100	-	4.100
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.271	-	2.271	1.384	671	713	3.655	671	2.984
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.156	-	2.156	1.384	671	713	3.540	671	2.869
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.800	-	1.800	-	-	-	1.800	-	1.800
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	356	-	356	1.384	671	713	1.740	671	1.069
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	332	159	173	332	159	173

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	100		100	-			100		100		100
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			6	2	4	6	2	6	2	4
-	Hỗ trợ Kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	13		13	-			13		13		13
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	240		240	1.046	511	535	1.286	511	1.286	511	775
-	Về việc phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 tại Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ (hỗ trợ chi trả chế độ đối với số biên chế giao viên tăng thêm năm 2024)	3		3	-			3		3		3
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	115		115	-	-	-	115	-	115	-	115
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	10		10	-			10		10		10
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	105		105	-			105		105		105

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴP XẾP CỦA PHƯỜNG ĐẮK BLA
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)			
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện			
	Tổng chi ngân sách cấp xã	38.993	-	38.993	21.761	12.147	9.614	60.754	12.147	48.608			
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	36.838	-	36.838	20.724	11.475	9.249	57.563	11.475	46.087			
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	2.984	249	2.735	2.984	249	2.735			
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	2.984	249	2.735	2.984	249	2.735			
2	Chi thường xuyên	36.101	-	36.101	17.326	11.226	6.100	2.984	11.226	42.201			
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.557	-	29.557	-	-	-	29.557	-	29.557			
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	100	-	100	-	-	-	100	-	100			
3	Dự phòng ngân sách	737	-	737	414	-	414	1.151	-	1.151			
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.155	-	2.155	1.037	672	365	3.192	672	2.520			
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.020	-	2.020	1.037	672	365	3.057	672	2.386			
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.800	-	1.800	-	-	-	1.800	-	1.800			
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	220	-	220	1.037	672	365	1.257	672	586			
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	286	185	101	286	185	101			
	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	4	2	6	4	2			
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện để an bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	41	-	41	-	-	-	41	-	41			

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	175		175	745	483	263	920	483	438
-	Về việc phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 tại Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ (hỗ trợ chi trả chế độ đối với số biên chế giáo viên tăng thêm năm 2024)	4		4	-			4		4
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	134	-	134	-	-	-	134	-	134
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	10		10	-			10		10
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	124		124	-			124		124

Ghi chú:

- (*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp
- (**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHENGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỘC BAY
(Kèm theo Quyết định số **08** QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trực khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	49.901	-	49.901	24.050	366	23.683	73.951	366	73.584
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	47.603	-	47.603	22.986	-	22.986	70.589	-	70.589
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	4.088	-	4.088	4.088	-	4.088
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	4.088	-	4.088	4.088	-	4.088
2	Chi thường xuyên	46.639	-	46.639	17.372	-	17.372	64.011	-	64.011
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	38.566	-	38.566	-	-	-	38.566	-	38.566
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	964	-	964	448	-	448	1.412	-	1.412
4	Chi từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất so với dự toán cấp trên giao và phân bổ theo tiền độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà nước	-	-	-	1.078	-	1.078	1.078	-	1.078
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.298	-	2.298	1.064	366	698	3.362	366	2.995
I	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.369	-	2.369	1.064	366	698	3.433	366	3.067
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.800	-	1.800	-	-	-	1.800	-	1.800
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	569	-	569	1.064	366	698	1.633	366	1.267
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối tăng Chương trình mục tiêu quốc gia "Đồng thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	188	-	188	-	-	-	188	-	188

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			292	100	192	292	100	292	192	192
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	100		100	-			100		100		100
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			6	1	5	6	1	6	5	5
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện để án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giao dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	111		111	-			111		111		111
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	166		166	766	266	500	932	266	932	666	666
-	Về việc phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 tại Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ (hỗ trợ chi trả chế độ đối với số biên chế giáo viên tăng thêm năm 2024)	4		4	-			4		4		4
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	(71)	-	(71)	-	-	-	(71)	-	(71)	-	(71)
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	(71)		(71)	-			(71)		(71)		(71)

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ IA CHIM
 (Kèm theo Quyết định số **08** /2025/QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
					Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	41.769	-	41.769	20.962	388	20.574	62.731	388	62.343
1	Tổng chi cần đối ngân sách xã	39.249	-	39.249	19.574	-	19.574	58.823	-	58.823
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	225	-	225	225	-	225
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	225	-	225	225	-	225
2	Chi thường xuyên	38.451	-	38.451	18.971	-	18.971	57.422	-	57.422
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	32.062	-	32.062	-	-	-	32.062	-	32.062
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	798	-	798	378	-	378	1.176	-	1.176
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.520	-	2.520	1.388	388	1.000	3.908	388	3.520
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.539	-	2.539	1.191	388	803	3.730	388	3.342
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.800	-	1.800	-	-	-	1.800	-	1.800
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	739	-	739	1.191	388	803	1.930	388	1.542
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	235	-	235	-	-	-	235	-	235
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 53/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	317	67	251	317	67	251
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	2	5	6	2	5

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	334		334	-			334			334	
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	174		174	868	320	548	1.042	320			722
-	Về việc phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 tại Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ (hỗ trợ chi trả chế độ đối với số biên chế giáo viên tăng thêm năm 2024)	(4)		(4)	-			(4)				(4)
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	(19)	-	(19)	197	-	197	178	-	178		178
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	(19)		(19)	-			(19)		(19)		(19)
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			197		197	197		197		197

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẮP XẾP CỦA XÃ DẮK RƠ WA
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán UBND huyện chuyên về xã để thực hiện phổ giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng
	Tổng chi ngân sách cấp xã	64.337	-	64.337	33.905	473	33.432	98.242
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	59.814	-	59.814	32.150	-	32.150	91.964
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	5.450	-	5.450	5.450
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	5.450	-	5.450	5.450
2	Chi thường xuyên	58.597	-	58.597	26.078	-	26.078	84.675
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	51.759	-	51.759	-	-	-	51.759
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	100	-	100	-	-	-	100
3	Dự phòng ngân sách	1.217	-	1.217	622	-	622	1.839
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.522	-	4.522	1.755	473	1.282	6.277
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	3.076	-	3.076	1.570	473	1.097	4.646
2	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.400	-	2.400	-	-	-	2.400
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	676	-	676	1.570	473	1.097	2.246
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nòng thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	133	-	133	-	-	-	133
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	430	100	330	430
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	100	-	100	-	-	-	100
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	8	2	7	8

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện để an bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	180		180	-			180		180		180
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	255		255	1.132	372	761	1.387	372	1.016		
-	Về việc phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 tại Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ (hỗ trợ chi trả chế độ đối với số biên chế giáo viên tăng thêm năm 2024)	8		8	-			8		8		8
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.446	-	1.446	185	-	185	1.631	-	1.631		1.631
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	1.446		1.446	-			1.446		1.446		1.446
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			185		185	185		185		185

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSĐP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI LẬP KẾCH DỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÁU SÁP XẾP CỦA XÃ ĐẮK P'XI
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/11/2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng
	Tổng chi ngân sách cấp xã	47.806	-	47.806	15.419	7.979	7.441	63.225
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	47.806	-	47.806	14.594	7.733	6.861	62.400
1	Chi đầu tư phát triển (**)	17	-	17	-	-	-	17
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	17	-	17	-	-	-	17
2	Chi thường xuyên	46.682	-	46.682	14.307	7.712	6.595	60.989
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.577	-	36.577	17	-	17	36.593
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.107	-	1.107	287	21	266	1.394
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	825	246	579	825
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	590	246	344	590
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	590	246	344	590
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	190	48	142	190
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	4	4	4
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	396	198	198	396
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	235	-	235	235
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	-	-	-	55	-	55	55
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-	-	-	180	180	-	180

Ghi chú:

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÀU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK MẠR
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định		Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025				
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	50.207	-	50.207	15.471	7.861	7.610	65.678	7.861	57.817
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	49.907	-	49.907	14.441	7.382	7.059	64.348	7.382	56.966
1	Chi đầu tư phát triển (**)	573	-	573	-	-	-	573	-	573
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	573	-	573	-	-	-	573	-	573
2	Chi thường xuyên	48.227	-	48.227	14.156	7.359	6.797	62.383	7.359	55.024
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	37.430	-	37.430	-	-	-	37.430	-	37.430
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.107	-	1.107	285	23	262	1.392	23	1.369
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	300	-	300	1.030	479	551	1.330	479	851
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	300	-	300	865	479	386	1.165	479	686
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	300	-	300	865	479	386	1.165	479	686
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	190	142	48	190	142	48
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	300	-	300	-	-	-	300	-	300
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	2	2	4	2	2
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	671	335	336	671	335	336
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	165	-	165	165	-	165
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	-	-	-	65	-	65	65	-	65
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-	-	-	100	-	100	100	-	100

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN KINH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SÁP XẾP CỦA XÃ ĐẮK UÍ
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán UBND huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	47.155	-	47.155	14.992	7.535	7.457	62.147	7.535	54.612
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	47.155	-	47.155	13.728	7.139	6.589	60.883	7.139	53.744
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	13		13	13	-	13
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-			-			-		
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-			13		13	13	-	13
2	Chi thường xuyên	46.048		46.048	13.444	7.139	6.305	59.492	7.139	52.353
	Trong đó:	-			-			-		-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	35.695		35.695	-			35.695	-	35.695
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-			-			-		-
3	Dự phòng ngân sách	1.107		1.107	271		271	1.378	-	1.378
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	1.264	396	868	1.264	396	868
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	789	396	393	789	396	393
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-			-			-		-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	789	396	393	789	396	393
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 53/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			190	95	95	190	95	95
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			4	4		4	4	-
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-			595	297	298	595	297	298
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	475	-	475	475	-	475
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	-			65		65	65	-	65
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			410		410	410	-	410

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGẮN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGŨK RÊO
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	46.945	-	46.945	15.034	7.498	7.536	61.978	7.498	54.480
I	Tổng chi cần đối ngân sách xã	46.945	-	46.945	13.999	7.061	6.938	60.944	7.061	53.883
1	Chi đầu tư phát triển (**)	7	-	7	-	-	-	7	-	7
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7	-	7	-	-	-	7	-	7
2	Chi thường xuyên	45.831	-	45.831	13.720	7.032	6.688	59.551	7.032	52.519
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	35.730	-	35.730	-	-	-	35.730	-	35.730
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.107	-	1.107	279	29	250	1.386	29	1.357
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	1.035	437	597	1.035	437	597
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	750	437	313	750	437	313
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	750	437	313	750	437	313
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	190	182	8	190	182	8
	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	1	3	4	1	3
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	556	254	302	556	254	302
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	285	-	285	285	-	285
	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	-	-	-	55	-	55	55	-	55
	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-	-	-	230	-	230	230	-	230

Ghi chú:

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI TRẢ SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴP SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK HẢ
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	88.310	-	88.310	28.141	11.722	16.419	116.452	11.722	104.729
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	88.310	-	88.310	25.590	10.824	14.766	113.901	10.825	103.076
1	Chi đầu tư phát triển (**)	340	-	340	-	-	-	340	-	340
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	340	-	340	-	-	-	340	-	340
2	Chi thường xuyên	86.193	-	86.193	25.088	10.780	14.308	111.282	10.781	100.501
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	64.807	-	64.807	-	-	-	64.807	-	64.807
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.776	-	1.776	502	44	458	2.278	44	2.234
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	2.551	898	1.653	2.551	898	1.653
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	1.561	779	782	1.561	779	782
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	1.561	779	782	285	190	95
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	285	190	95	285	190	95
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	3	3	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	1.270	586	684	-	-	-
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	990	119	871	990	119	871
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	-	-	-	112	37	75	112	37	75
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	-	-	-	321	82	239	321	82	239
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-	-	-	557	-	557	557	-	557

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÃI TẠCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÀU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC TỰ
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	55.361	-	55.361	17.009	7.671	9.338	72.370	7.671	64.699
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	50.681	-	50.681	16.047	7.345	8.701	66.728	7.345	59.382
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	2	-	2	2	-	2
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	2	-	2	2	-	2
2	Chi thường xuyên	48.965	-	48.965	15.608	7.022	8.586	64.573	7.022	57.551
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	39.788	-	39.788	60	33	27	39.848	33	39.815
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.716	-	1.716	437	323	114	2.153	323	1.830
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.680	-	4.680	962	325	637	5.642	325	5.317
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	1.494	-	1.494	730	298	432	2.224	298	1.926
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.291	-	1.291	-	-	-	1.291	-	1.291
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	203	-	203	730	298	432	933	298	635
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện để an bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, dành hưởng đến năm 2030	133	-	133	-	-	-	133	-	133
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	125	63	62	125	63	62

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			165	15	150	165	15	150		
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			4	2	2	4	2	2		
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	70		70	436	218	218	506	218	288		
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.186	-	3.186	232	27	205	3.418	27	3.391		
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	24		24	-			24	-	24		
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	1.978		1.978	-			1.978	-	1.978		
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	1.155		1.155	9		9	1.165	-	1.165		
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	28		28	223	27	196	251	27	224		
								-				

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÁP XẾP CỦA XÃ ĐẮK TỎ
(Kèm theo Phụ biểu số 08) YOD-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

DVT: triệu đồng



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện phổ giáo năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025			
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
	Tổng chi ngân sách cấp xã	111.824	-	111.824	36.500	20.564	15.937	148.324	20.564	127.760	
1	Tổng chi cần đối ngân sách xã	102.734	-	102.734	34.410	19.502	14.907	137.144	19.502	117.642	
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	1.495	486	1.009	1.495	486	1.009	
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	1.495	486	1.009	1.495	486	1.009	
2	Chi thường xuyên	99.302	-	99.302	32.393	18.897	13.496	131.696	18.897	112.799	
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	78.646	-	78.646	110	89	21	78.756	89	78.667	
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Dự phòng ngân sách	3.432	-	3.432	521	119	402	3.953	119	3.834	
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	9.089	-	9.089	2.091	1.062	1.029	11.180	1.062	10.118	
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	3.112	-	3.112	1.876	886	990	4.988	886	4.102	
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.560	-	2.560	-	-	-	2.560	-	2.560	
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	552	-	552	1.876	886	990	2.428	886	1.542	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	552	-	552	-	-	-	552	-	552	
	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	188	63	125	188	63	125	

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			356	157	199	356	157	199	
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			8	3	5	8	3	5	
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-			1.324	662	662	1.324	662	662	
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.977	-	5.977	215	176	39	6.192	176	6.016	
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	49		49	-			49	-	49	
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	3.672		3.672	-			3.672	-	3.672	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	2.256		2.256	50	33	18	2.306	33	2.273	
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			165	144	22	165	144	22	
								-			

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về lĩnh vực Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công



AN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÁP XẾP CỦA XÃ KÓN ĐẢO
08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng

Nội dung chi		Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
TT		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	56.594	-	56.594	23.895	11.628	12.267	80.489	11.628	68.862
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	51.726	-	51.726	22.152	10.641	11.511	73.878	10.641	63.237
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	4	-	4	4	-	4
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	4	-	4	4	-	4
2	Chi thường xuyên	49.152	-	49.152	21.846	10.641	11.205	70.998	10.641	60.357
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	39.104	-	39.104	85	25	60	39.189	25	39.164
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	2.574	-	2.574	302	-	302	2.876	-	2.876
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.868	-	4.868	1.743	987	757	6.612	987	5.625
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.205	-	2.205	1.224	700	524	3.430	700	2.730
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.920	-	1.920	-	-	-	1.920	-	1.920
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	285	-	285	1.224	700	524	1.510	700	810
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện để an bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	174	-	174	-	-	-	174	-	174
	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	189	126	63	189	126	63

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp					Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			277	192	85	277	192	277	85	85
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			6	6		6	6			-
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	111		111	752	376	376	863	376			487
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.663	-	2.663	519	287	232	3.182	287			2.895
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	37		37	-			37	-			37
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	1.463		1.463	-			1.463	-			1.463
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	1.163		1.163	7	5	2	1.170	5			1.165
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			512	282	230	512	282			230
								-				

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI TIẾT ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN SẴP XẾP CỦA XÃ ĐẮK SAO
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	30.940	-	30.940	19.205	8.384	10.820	50.145	8.384	41.760
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	30.938	-	30.938	17.565	7.620	9.945	48.503	7.620	40.883
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	30.340	-	30.340	17.193	7.620	9.573	47.533	7.620	39.912
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.090	-	22.090	60	36	24	22.150	36	22.114
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	598	-	598	372	-	372	970	-	970
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2	-	2	1.640	764	876	1.642	764	878
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	1.417	619	798	1.417	619	798
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	1.417	619	798	1.417	619	798
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	334	184	150	334	184	150
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	4	-	4	4	-
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	1.079	432	647	1.079	432	647
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	2	-	2	223	145	78	225	145	80

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	2		2	-	145	78	2	-	2	-	2
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			223			223	145	223	145	78
								-	-	-	-	-

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSĐP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK TÔ KAN
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định		Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)				
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	42.101	-	42.101	15.953	7.205	8.748	58.054	7.205	50.849
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	42.100	-	42.100	14.726	6.587	8.139	56.827	6.587	50.240
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	41.276	-	41.276	14.413	6.587	7.826	55.689	6.587	49.102
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	31.116	-	31.116	60	27	33	31.176	27	31.149
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	824	-	824	313	-	313	1.137	-	1.137
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1	-	1	1.226	618	608	1.227	618	609
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	1.020	484	536	1.020	484	536
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	1.020	484	536	1.020	484	536
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	231	127	104	231	127	104
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	4	-	4	4	-
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	785	353	432	785	353	432
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	1	-	1	206	134	72	207	134	73

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã tiếp khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	1		1	-			1	-		1	
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			206	134	72	206	134	72		

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN THU NGẬP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴP XẾP CỦA XÃ TỰ MƠ RÔNG
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng
	Tổng chi ngân sách cấp xã	45.221	-	45.221	16.852	7.105	9.747	62.073
I	Tổng chi cấu đối ngân sách xã	45.219	-	45.219	15.642	6.582	9.060	60.861
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	10	-	10	10
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	10	-	10	10
2	Chi thường xuyên	44.299	-	44.299	15.309	6.582	8.727	59.608
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.677	-	29.677	135	97	37	29.812
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	920	-	920	323	-	-	-
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2	-	2	1.210	523	687	1.212
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	1.092	464	628	1.092
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	1.092	464	628	1.092
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	248	124	124	248
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	4	-	4
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	840	336	504	840
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	2	-	2	118	59	59	120

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	2		2	-			2	-			2
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			118	59	59	118	59	118		59

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI TIẾT ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MÃNG RI
(Kèm theo Phụ biểu số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)			
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
	Tổng chi ngân sách cấp xã	47.827	-	47.827	39.510	16.311	23.199	87.337	16.311	71.026	
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	47.675	-	47.675	36.338	15.017	21.321	84.013	15.017	68.996	
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Chi thường xuyên	46.765	-	46.765	35.568	15.017	20.551	82.333	15.017	67.316	
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	38.146	-	38.146	150	108	42	38.296	108	38.188	
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Dự phòng ngân sách	910	-	910	770	-	770	1.680	-	1.680	
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	152	-	152	3.172	1.294	1.878	3.324	1.294	2.030	
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	2.586	884	1.702	2.586	884	1.702	
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	2.586	884	1.702	2.586	884	1.702	
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	674	-	674	674	-	674	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	364	182	182	364	182	182	
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	10	10	-	10	10	-	

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-			1.538	692	846	1.538	692	846		
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	152	-	152	586	410	176	738	410	328		
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	152		152	-			152	-	152		
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			586	410	176	586	410	176		

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chỉ đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN GIẢI NHIỆM SÁCH CHỈ DẪN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÁP XẾP CỦA XÃ BỜ Y
(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT		Nội dung chi		Dự toán UBND huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
Tổng chi ngân sách cấp xã		94.312	-	94.312	36.623	17.162	19.461	130.934	17.162	113.772		
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	88.099	-	88.099	34.922	16.301	18.621	123.021	16.301	106.720		
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	2.445	-	2.445	2.445	-	2.445		
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	2.445	-	2.445	2.445	-	2.445		
2	Chi thường xuyên	84.115	-	84.115	31.924	16.301	15.623	116.039	16.301	99.738		
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	63.257	-	63.257	281	143	139	63.539	143	63.396		
	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	Dự phòng ngân sách	3.984	-	3.984	553	-	553	4.537	-	4.537		
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	6.212	-	6.212	1.701	861	840	7.913	861	7.052		
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	1.656	836	820	1.656	836	820		
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	1.656	836	820	1.656	836	820		
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	294	152	142	294	152	142		
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cơ sở tại của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	6	-	6	6	-		
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	1.356	678	678	1.356	678	678		
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	6.212	-	6.212	45	25	20	6.257	25	6.232		
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	50	-	50	45	25	20	95	25	70		
-	Kinh phí mặt nước giao vốn tăng thêm	1.995	-	1.995	-	-	-	1.995	-	1.995		

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	4.167		4.167				4.167	-	4.167		4.167

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SÁP NẾP CỦA XÃ SA LOONG
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sáp nhập			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	31.445	-	31.445	17.409	8.978	8.431	48.853	8.978	39.875
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	28.404	-	28.404	16.638	8.589	8.049	45.042	8.589	36.453
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	25	25	-	25	25	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	25	25	-	25	25	-
2	Chi thường xuyên	27.126	-	27.126	16.334	8.564	7.770	43.460	8.564	34.896
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.963	-	18.963	160	66	94	19.123	66	19.057
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.278	-	1.278	279	-	279	1.557	-	1.557
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	3.041	-	3.041	770	389	382	3.811	389	3.422
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	723	362	362	723	362	362
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	723	362	362	723	362	362
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	141	71	71	141	71	71
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	2	2	4	2	2
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	578	289	289	578	289	289
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.041	-	3.041	47	27	20	3.088	27	3.061

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	-			20		20	20	-		20	
-	Kinh phí biến chế giáo viên tăng thêm	815		815	-			815	-		815	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	2.226		2.226	-			2.226	-		2.226	
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa				27	27		27	27		-	

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN SẴP XẾP CỦA XÃ DỤC NÔNG
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025			
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện			
	Tổng chi ngân sách cấp xã	53.065	-	53.065	28.781	15.389	13.392	81.846	15.389	66.457			
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	45.721	-	45.721	27.517	14.755	12.762	73.238	14.755	58.483			
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	30	-	30	30	-	30			
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	30	-	30	30	-	30			
2	Chi thường xuyên	43.721	-	43.721	27.024	14.755	12.269	70.745	14.755	55.990			
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.227	-	36.227	357	196	161	36.585	196	36.389			
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
3	Dự phòng ngân sách	2.000	-	2.000	463	-	463	2.463	-	2.463			
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	7.345	-	7.345	1.263	633	630	8.608	633	7.975			
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	1.208	605	603	1.208	605	603			
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	1.208	605	603	1.208	605	603			
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	252	126	126	252	126	126			
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	4	2	6	4	2			
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	950	475	475	950	475	475			
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	7.345	-	7.345	55	28	27	7.400	28	7.372			
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	-	-	-	35	28	7	35	28	7			
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	1.700	-	1.700	-	-	-	1.700	-	1.700			

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	5.645		5.645	-			5.645	-	5.645		5.645
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			20		20	20	-	20		20

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÁP XẾP CỦA XÃ XÓP
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các công năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	22.169	-	22.169	14.816	7.778	7.038	36.985	7.778	29.208
I	Tổng chi cần đối ngân sách xã	22.169	-	22.169	14.285	7.568	6.717	36.454	7.568	28.886
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	21.140	-	21.140	14.004	7.508	6.496	35.144	7.508	27.636
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.308	-	21.308	40	-	40	21.348	-	21.348
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.029	-	1.029	281	60	221	1.310	60	1.250
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	531	209	322	531	209	322
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	531	209	322	531	209	322
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	531	209	322	531	209	322
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của Chính phủ	-	-	-	104	-	104	104	-	104
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	427	209	218	427	209	218
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp
(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴP XẾP CỦA XÃ NGỌC LINH
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	25.381	-	25.381	19.112	6.627	12.485	44.493	6.627	37.867
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	25.381	-	25.381	18.350	6.557	11.793	43.731	6.557	37.174
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	24.438	-	24.438	17.986	6.471	11.515	42.424	6.471	35.952
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.867	-	23.867	40	5	35	23.907	5	23.902
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	944	-	944	-	-	-	-	-	-
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	364	86	278	1.308	86	1.222
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	762	69	693	762	69	693
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	762	69	693	762	69	693
-	Hỗ trợ xây dựng thôn nông thôn mới điểm cấp tỉnh tại thôn Làng Mới, xã Mường Hoàng, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum (dề nghị UBND huyện Đắk Glei triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành)	-	-	-	153	-	153	153	-	153
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	104	-	104	104	-	104
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	505	69	436	505	69	436
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHUNG AN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK PLÔ
(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

BVT: triệu đồng



TT		Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trực khi sắp xếp		Dự toán năm 2025		
Nội dung chi		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
Tổng chi ngân sách cấp xã		21.531	-	21.531	26.305	12.761	13.544	47.835	12.761	35.074
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	21.531	-	21.531	25.758	12.612	13.146	47.288	12.612	34.676
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	20.638	-	20.638	25.251	12.571	12.679	45.888	12.571	33.317
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.415	-	26.415	60	14	46	26.475	14	26.461
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	893	-	893	507	41	466	1.400	41	1.359
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	547	149	398	547	149	398
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	547	149	398	547	149	398
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	547	149	398	547	149	398
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	156	15	141	156	15	141
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	391	134	257	391	134	257
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp
(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÁP XẾP CỦA XÃ ĐẮK PÉK
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định		Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025				
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	54.060	-	54.060	18.517	8.941	9.576	72.577	8.941	63.636
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	54.060	-	54.060	17.980	8.941	9.039	72.039	8.941	63.099
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	100	-	100	100	-	100
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	100	-	100	100	-	100
2	Chi thường xuyên	53.019	-	53.019	17.480	8.541	8.939	70.499	8.541	61.958
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	46.754	-	46.754	40	1	39	46.794	1	46.792
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.041	-	1.041	400	400	-	1.441	400	1.041
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	538	-	538	538	-	538
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	538	-	538	538	-	538
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	538	-	538	538	-	538
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	104	-	104	104	-	104
	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	4	-	4	4	-	4
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	430	-	430	430	-	430
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

(*) Dữ liệu chính về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp
(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SÀU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK MÓN
(Kèm theo Quyết định số **06** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	28.253	-	28.253	17.119	8.604	8.515	45.372	8.604	36.768
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	28.253	-	28.253	16.658	8.604	8.054	44.911	8.604	36.307
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiến sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	27.281		27.281	16.330	8.604	7.726	43.611	8.604	35.007
	Trong đó:	-			-			-		-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	27.714		27.714	40	8	32	27.754	8	27.746
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-			-			-		-
3	Dự phòng ngân sách	972		972	328		328	1.300		1.300
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-			461	-	461	461	-	461
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-			461	-	461	461	-	461
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-			-			-		-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	0	0	0	461	0	461	461	0	461
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			104		104	104		104
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			3		3	3		3
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-			354		354	354		354
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-			-			-		-

Ghi chú:

- (*) Dã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp
- (**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÃ SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SA THẦY
(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18/11/2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện (Phòng, ban huyện) chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	58.725	-	58.725	25.151	10.959	14.192	83.876	10.959	72.917
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	55.146	-	55.146	23.975	10.589	13.386	79.121	10.589	68.532
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	719	-	719	719	-	719
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	719	-	719	719	-	719
2	Chi thường xuyên	55.146	-	55.146	21.588	10.589	10.999	76.734	10.589	66.145
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.586	-	36.586	13.523	7.413	6.111	50.109	7.413	42.696
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	200	-	200	-	-	-	200	-	200
3	Dự phòng ngân sách	-	-	-	1.668	-	1.668	1.668	-	1.668
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	3.579	-	3.579	1.176	370	806	4.755	370	4.385
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	100	-	100	1.103	370	733	1.203	370	833
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	100	-	100	1.103	370	733	1.203	370	833
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	364	-	364	364	-	364
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	100	-	100	-	-	-	100	-	100
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	3	3	6	3	3
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	733	367	366	733	367	366

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện (Phòng, ban huyện) chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.479	-	3.479	73	-	73	3.552	-	3.552		
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	150		150	-			150	-	150		
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	3.329		3.329	-			3.329	-	3.329		
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			73		73	73	-	73		

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chỉ đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

ĐỊ TỌA SƠ CẢNH NGÃ SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴ SẮP XẾP CỬA XÃ SẢ BÍNH
(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



Nội dung chi		Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện		Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)				
TT	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
	Tổng chi ngân sách cấp xã	48.744	-	48.744	25.674	12.167	13.507	74.418	12.167	62.251
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	41.556	-	41.556	25.001	11.844	13.157	66.557	11.844	54.712
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	135	-	135	135	-	135
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	135	-	135	135	-	135
2	Chi thường xuyên	40.693	-	40.693	24.398	11.844	12.554	65.091	11.844	53.246
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	33.776	-	33.776	361	361	-	34.137	361	33.776
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	863	-	863	468	-	468	1.331	-	1.331
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	7.188	-	7.188	673	322	351	7.861	322	7.539
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	200	-	200	599	281	318	799	281	518
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	200	-	200	599	281	318	799	281	518
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	200	-	200	-	-	-	200	-	200
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	185	76	109	185	76	109
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	1	5	6	1	5
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	408	204	204	408	204	204

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	6.988	-	6.988	74	41	33	7.062	41	7.021		
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	6.988		6.988	-			6.988	-	6.988		
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			74	41	33	74	41	33		

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN SẮP XẾP CỦA XÃ Y A LY
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
					Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	36.015	-	36.015	26.321	11.845	14.476	62.336	11.845	50.491
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	31.236	-	31.236	25.445	11.366	14.078	56.681	11.366	45.314
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	31	-	31	31	-	31
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	31	-	31	31	-	31
2	Chi thường xuyên	30.595	-	30.595	24.922	11.366	13.555	55.516	11.366	44.150
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.656	-	21.656	8.964	6.820	2.144	30.620	6.820	23.800
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	642	-	642	492	-	492	1.134	-	1.134
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.779	-	4.779	876	479	398	5.655	479	5.177
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	380	-	380	723	407	317	1.103	407	697
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	380	-	380	723	407	317	1.103	407	697
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia, Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	380	-	380	-	-	-	380	-	380
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	152	119	33	152	119	33
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	6	6	6	-	6
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự cơ sở	-	-	-	554	277	277	554	277	277
-	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Ất Tỵ năm 2025	-	-	-	11	11	1	11	11	1

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện		
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.399	-	4.399	153	72	81	4.552	72	4.480		
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	4.399		4.399	-			4.399	-	4.399		
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			153	72	81	153	72	81		

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tính, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI TRẢ SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ IA TOI
 (Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



		Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025	
TT	Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
	Tổng chi ngân sách cấp xã	56.809	-	57.127	20.692	9.575	11.117	77.819	9.575	68.244	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	49.091	-	49.091	20.150	9.240	10.910	69.241	9.240	60.001	
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	500	-	500	500	-	500	
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	500	-	500	500	-	500	
2	Chi thường xuyên	47.413		47.413	19.247	9.240	10.007	66.660	9.240	57.420	
	Trong đó:	-		-	-	-	-	-	-	-	
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.231		24.231	-			24.231	-	24.231	
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	200		200	-			200	-	200	
3	Dự phòng ngân sách	1.678		1.678	403		403	2.081	-	2.081	
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	7.718	-	8.036	542	335	207	8.578	335	8.243	
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	4.802	-	4.802	542	335	207	5.344	335	5.010	
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.919	-	3.919	-	-	-	3.919	-	3.919	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	3.041		3.041	-			3.041	-	3.041	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	878		878	-			878	-	878	
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	883	-	883	542	335	207	1.425	335	1.091	

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	617		617	-			617	-	617	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			130	130		130	130	-	
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	100		100	-			100	-	100	
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			4	2	2	4	2	2	
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	166		166	408	203	205	574	203	372	
-	Kinh phí tiền lương của sự nghiệp giáo dục	-			-			-	-	-	
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.916	-	3.234	-	-	-	3.234	-	3.234	
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	2.916		2.916	-			2.916	-	2.916	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội			318				318	-	318	
		-			-			-	-	-	

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSĐP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NHẢY SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẮP XẾP CỦA XÃ ĐÀK KỖI
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán UBND huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)	
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
	Tổng chi ngân sách cấp xã	36.305	-	36.305	15.918	7.759	8.159	52.223	7.759	44.464	
1	Tổng chi cần đối ngân sách xã	33.928	-	33.928	14.883	7.419	7.464	48.810	7.419	41.391	
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Chi thường xuyên	32.253	-	32.253	14.566	7.347	7.219	46.819	7.347	39.472	
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.377	-	21.377	88	55	33	21.465	55	21.410	
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Dự phòng ngân sách	1.675	-	1.675	316	72	245	1.991	72	1.920	
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.377	-	2.377	1.035	340	695	3.413	340	3.073	
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.243	-	2.243	1.035	340	695	3.279	340	2.939	
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.835	-	1.835	-	-	-	1.835	-	1.835	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	311	-	311	-	-	-	311	-	311	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 14/4/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	1.524	-	1.524	-	-	-	1.524	-	1.524	
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	409	-	409	1.035	340	695	1.444	340	1.104	
-	Hỗ trợ sinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	200	-	200	200	-	200	

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			158		158	158	-	158		158
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			4		4	4	4	4		1
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	261		261	-			261	-	261		261
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	148		148	673	337	337	821	337	821		484
-	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Ất Tỵ năm 2025	-			-			-		-		-
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	134	-	134	-	-	-	134	-	134	-	134
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	134		134	-			134	-	134		134

Ghi chú:

- (*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP, chính quyền 02 cấp
- (**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON BRAIH
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	74.713	-	74.713	22.534	11.288	11.246	97.247	11.288	85.959
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	71.801	-	71.801	21.422	10.772	10.650	93.222	10.772	82.451
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	20	-	20	20	-	20
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	20	-	20	20	-	20
2	Chi thường xuyên	70.127	-	70.127	20.957	10.704	10.254	91.084	10.704	80.380
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	52.331	-	52.331	126	57	69	52.457	57	52.400
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.674	-	1.674	444	68	376	2.118	68	2.050
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.913	-	2.913	1.112	517	596	4.025	517	3.508
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.561	-	2.561	1.112	517	596	3.673	517	3.156
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.890	-	1.890	-	-	-	1.890	-	1.890
	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	320	-	320	-	-	-	320	-	320
	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	1.570	-	1.570	-	-	-	1.570	-	1.570
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	671	-	671	1.112	517	596	1.783	517	1.266

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			262	93	170	262	93	262	170	170
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			6	2	4	6	2	6	4	4
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	478		478	-			478	-	478	478	478
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	193			844	422	422	1.037	422	1.037	615	615
-	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Ất Tỵ năm 2025	-			-			-		-	-	-
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	352	-	352	-	-	-	352	-	352	352	352
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	29		29	-			29	-	29	29	29
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	323		323	-			323	-	323	323	323

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSĐP chính quyền 02 cấp

(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN SÁP XẾP CỦA XÃ ĐẮK RVE
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	44.820	-	44.820	15.699	8.205	7.493	60.519	8.205	52.313
I	Tổng chi cần đối ngân sách xã	42.515	-	42.515	14.908	7.946	6.962	57.423	7.946	49.477
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	20	-	20	20	-	20
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	20	-	20	20	-	20
2	Chi thường xuyên	40.840	-	40.840	14.578	7.756	6.822	55.417	7.756	47.661
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.326	-	29.326	126	57	69	29.452	57	29.395
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	1.675	-	1.675	311	190	121	1.986	190	1.796
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.305	-	2.305	791	260	531	3.096	260	2.836
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.202	-	2.202	791	260	531	2.993	260	2.733
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.835	-	1.835	-	-	-	1.835	-	1.835
	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	311	-	311	-	-	-	311	-	311
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	1.524	-	1.524	-	-	-	1.524	-	1.524
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	367	-	367	791	260	531	1.158	260	898

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	-			193		193	193	-	193		193
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-			158	41	117	158	41	117		117
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			4	1	3	4	1	3		3
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	261		261	-			261	-	261		261
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	106		106	436	218	218	542	218	324		324
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	103	-	103	-	-	-	103	-	103	-	103
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	103		103	-			103	-	103		103

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MÃNG ĐEN
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giáo năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	74.406	-	74.406	33.797	16.307	17.490	108.203	16.307	91.896
I	Tổng chi cần đối ngân sách xã	70.562	-	70.562	32.454	15.519	16.935	103.016	15.519	87.497
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	5.000	3.086	1.914	5.000	3.086	1.914
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	5.000	3.086	1.914	5.000	3.086	1.914
2	Chi thường xuyên	66.062	-	66.062	26.854	12.433	14.421	92.916	12.433	80.483
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	39.685	-	39.685	195	77	118	39.880	77	39.803
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	4.500	-	4.500	600	-	600	5.100	-	5.100
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	3.844	-	3.844	1.343	788	555	5.187	788	4.399
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	3.510	-	3.510	997	497	500	4.507	497	4.010
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	3.510	-	3.510	997	497	500	4.507	497	4.010
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	55	-	55	-	-	-	55	-	55
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	2	4	6	2	4
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Kon Plông do hụt thu so với dự toán năm 2024	3.455	-	3.455	-	-	-	3.455	-	3.455
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	991	495	496	991	495	496

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	334	-	334	346	291	55	680	291	389		
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	30		30	-			30	-	30		
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	94		94	-			94	-	94		
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	131		131	-			131	-	131		
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	79		79	-			79	-	79		
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			346	291	55	346	291	55		

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chỉ đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MÃNG BÚT
(Kèm theo Quyết định số **08** QĐ-UBND ngày **18** /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán chi huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	63.853	-	63.853	28.997	15.585	13.412	92.850	15.585	77.265
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	58.601	-	58.601	27.526	14.621	12.905	86.127	14.621	71.506
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	56.516	-	56.516	27.036	14.621	12.415	83.552	14.621	68.931
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	37.971	-	37.971	195	132	63	38.166	132	38.034
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	2.085	-	2.085	490	-	490	2.575	-	2.575
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	5.252	-	5.252	1.471	965	506	6.723	965	5.759
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	3.557	-	3.557	1.036	591	445	4.593	591	4.002
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	3.557	-	3.557	1.036	591	445	4.593	591	4.002
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	55	-	55	-	-	-	55	-	55
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	4	2	6	4	2
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Kon Plông do hụt thu so với dự toán năm 2024	3.455	-	3.455	-	-	-	3.455	-	3.455
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-	-	-	1.030	587	443	1.030	587	443

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	47		47	-			47	-		47
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.695	-	1.695	435	373	62	2.130	373		1.756
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	25		25	-			25	-		25
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	94		94	-			94	-		94
-	Kinh phí biến chế giáo viên tăng thêm	209		209	-			209	-		209
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	1.367		1.367	-			1.367	-		1.367
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			435	373	62	435	373		62

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI XÁC LẬP SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON PLONG
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)			
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện			
	Tổng chi ngân sách cấp xã	59.371	-	59.371	27.241	14.609	12.631	86.611	14.609	72.002			
I	Tổng chi cần đối ngân sách xã	53.073	-	53.073	25.019	12.887	12.131	78.092	12.887	65.205			
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2	Chi thường xuyên	50.988	-	50.988	24.549	12.768	11.780	75.537	12.768	62.769			
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	32.515	-	32.515	195	132	63	32.710	132	32.578			
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
3	Dự phòng ngân sách	2.085	-	2.085	470	119	351	2.555	119	2.436			
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	6.297	-	6.297	2.222	1.722	500	8.519	1.722	6.797			
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	3.510	-	3.510	1.947	1.447	500	5.457	1.447	4.010			
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	3.510	-	3.510	1.947	1.447	500	5.457	1.447	4.010			
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	950	950	-	950	950	-			
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	55	-	55	-	-	-	55	-	55			
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-	-	-	6	6	-	6	6	-			
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Kon Plông do hụt thu so với dự toán năm 2024	3.455	-	3.455	-	-	-	3.455	-	3.455			

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-				491	500	991	491	500	991	
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.787	-	2.787	275	275	-	3.062	275	2.787	2.787	
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	25		25	-			25	-	25	25	
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	94		94	-			94	-	94	94	
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	311		311	-			311	-	311	311	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	2.357		2.357	-			2.357	-	2.357	2.357	
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	-			275	275		275	275	-	275	

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SẴN SẴP XẾP CỦA XÃ ĐẮK LONG
(Kèm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 18/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán chi ngân sách chuyển về xã để thực hiện phổ giao năm 2025 theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	30.002	-	30.002	11.019	5.436	5.584	41.021	5.436	35.586
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	30.002	-	30.002	10.915	5.347	5.569	40.917	5.347	35.571
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	29.016	-	29.016	10.701	5.347	5.355	39.717	5.347	34.371
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.094	-	28.094	20	3	17	28.114	3	28.111
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	986	-	986	214	-	214	1.200	-	1.200
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-	-	104	89	15	104	89	15
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	104	89	15	104	89	15
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	-	-	-	104	89	15	104	89	15
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	104	89	15	104	89	15
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

(*) Dã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tạm thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ RỜ KOI
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/17/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



Nội dung chi		Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định		Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp		Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)				
TT		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	29.727	-	29.727	10.980	5.462	5.518	40.707	5.462	35.244
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	24.691	-	24.691	10.608	5.306	5.302	35.299	5.306	29.993
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	15	-	15	15	-	15
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	15	-	15	15	-	15
2	Chi thường xuyên	24.149	-	24.149	10.429	5.306	5.123	34.578	5.306	29.272
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.609	-	14.609	-	-	-	14.609	-	14.609
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	542	-	542	164	-	164	706	-	706
4	Chi từ nguồn giảm thu tiền sử dụng đất so với dự toán cấp trên giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phải thu của nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	5.036	-	5.036	372	156	216	5.408	156	5.252
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	200	-	200	305	156	149	505	156	349
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	200	-	200	305	156	149	505	156	349
	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	200	-	200	-	-	-	200	-	200
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	65	33	33	65	33	33

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định					Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp					Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			2	2		2	2		2	2		-
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-			238	122	116	238	122	116	238	122	116	
-	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Ất Tỵ năm 2025	-			-			-			-			-
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.836	-	4.836	67	-	67	4.903	-	67	4.903	-	4.903	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	4.836		4.836	67		67	4.903		67	4.903		4.903	

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

DỰ TOÁN CHI NGÁCH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MỎ RAI
(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: triệu đồng



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	31.628	-	31.628	12.661	6.495	6.166	44.289	6.495	37.794
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	25.216	-	25.216	12.108	6.296	5.812	37.324	6.296	31.028
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	500	483	17	500	483	17
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	500	483	17	500	483	17
2	Chi thường xuyên	24.720	-	24.720	11.358	5.813	5.545	36.077	5.813	30.264
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.296	-	16.296	-	-	-	16.296	-	16.296
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	496	-	496	250	-	250	746	-	746
4	Chi từ nguồn giao thu tiền sử dụng đất so với dự toán cấp trên giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh năm và niên sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	6.412	-	6.412	553	199	354	6.965	199	6.766
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	200	-	200	507	199	308	707	199	508
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	200	-	200	507	199	308	707	199	508
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	200	-	200	-	-	-	200	-	200
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-	-	-	109	-	109	109	-	109

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã sắp xếp				Dự toán năm 2025 (Sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
-	Ứng dụng khoa học công nghệ	-			-			-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-			2	1	1	2	1	2	1	1
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	-			396	198	198	396	198	396	198	198
-	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Ất Ty năm 2025	-			-			-	-	-	-	-
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	6.212	-	6.212	46	-	46	6.258	-	6.258	-	6.258
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	6.212		6.212	46		46	6.258		6.258		6.258

Ghi chú:

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công

(Kèm theo Quyết định số **08** /QĐ-UBND ngày **18** /11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT		Nội dung chi		Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện phổ giáo năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giáo năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp				Dự toán năm 2025			
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện					
Tổng chi ngân sách cấp xã		24.799	-	24.799	11.747	5.382	6.366	36.547	5.382	31.165					
1	Tổng chi cân đối ngân sách xã	21.236	-	21.236	11.149	5.177	5.972	32.385	5.177	27.208					
1	Chi đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
2	Chi thường xuyên	20.436	-	20.436	10.927	5.177	5.750	31.363	5.177	26.186					
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.944	-	12.944	-	-	-	12.944	-	12.944					
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
3	Dự phòng ngân sách	800	-	800	222	-	222	1.022	-	1.022					
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	3.563	-	3.563	599	205	394	4.162	205	3.957					
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	2.082	-	2.082	508	205	303	2.590	205	2.385					
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.930	-	1.930	-	-	-	1.930	-	1.930					
	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	1.500	-	1.500	-	-	-	1.500	-	1.500					
	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	430	-	430	-	-	-	430	-	430					
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	152	-	152	508	205	303	660	205	455					

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định					Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp					Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện (*)	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	70		70	70		70	70		70	140	-	140	
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-					2	2		2	2	-	2	
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	82		82	436	205	231	518	205	231	518	205	313	
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.481	-	1.481	91	-	91	1.572	-	91	1.572	-	1.572	
-	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	-			91		91	91		91	91	-	91	
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	1.462		1.462										
	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	20		20	-			20			20	-	20	
Chỉ chú:														

(*) Đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh để phục vụ công tác quyết toán NSDP chính quyền 02 cấp

(**) Tam thời điều chỉnh chi đầu tư ngân sách huyện về tỉnh, giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công